TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Bùi T Trí**

2/ Ông **Võ Thành Hưng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lai Ngọc Trí** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Minh N**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ hiện nay: tổ 1, ấp A, xã B, huyện R, thành phố T.

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: tổ 64, khu vực 9, phường B, quận C, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Ngô Thị Minh N trình bày: Tôi và ông Trần Ngọc T chung sống với nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường Hưng Phú, quận C, thành phố Cần Thơ cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01 vào ngày 10/9/2015.

Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cự cải. Hiện tại bà đã ly thân với ông T hơn 01 năm nay.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc T.

+ Về con chung: có 01 con chung là Trần Minh D (nam), sinh ngày 07/02/2016. Hiện tại cháu Minh D đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà N đồng ý để cháu Minh D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Minh D đủ 18 tuổi, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Ngọc T: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Ngô Thị Minh N và ông Trần Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận

C, thành phố T cấp theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01 vào ngày 10/9/2015 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – Ông Trần Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông T chung sống có đăng ký kết hôn năm 2015, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay ông T tiếp tục vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà N, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cự cải cho nên bà xin ly hôn.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác nhận bà và ông T chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù bà đã nhiều lần cho ông T cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không cải thiện. Do đó, bà và ông T đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay.

Mặt khác, ông T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà và ông T đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: có 01 cháu tên là Trần Minh D (nam), sinh ngày: 07/02/2016. Tại phiên tòa hôm nay bà N cho rằng từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Minh D đang sống chung với ông T. Bà N cũng đồng ý giao cháu Minh D cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Minh D thì việc giao cháu Minh D cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Ngọc T vắng mặt không rõ yêu cầu, đồng thời bà N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chưa có cơ sở để xác định mức cấp dưỡng con chung với ông T. Sau này nếu ông T muốn yêu cầu bà N cấp dưỡng thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Ngô Thị Minh N khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Ngô Thị Minh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Khoản 2 Điều 82, khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Minh N về việc ly hôn với ông Trần Ngọc T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Ngô Thị Minh N được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Minh D (nam); sinh ngày 07/02/2016. Cháu Minh D sẽ do ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà N sẽ được giải quyết trong một vụ án khác nếu ông T có yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Ngô Thị Minh N chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp, theo biên lai thu số 005528 ngày 05/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà N đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến